CTCP Dược Danapha (UPCOM: DAN)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	32,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.9%	**31.6%**	**10.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,132 - 35,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	672
Số lượng CPLH (CP)	20,938,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	455
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(2.26)
EPS	3,373
P/E	9.5

Tỷ suất lợi nhuận

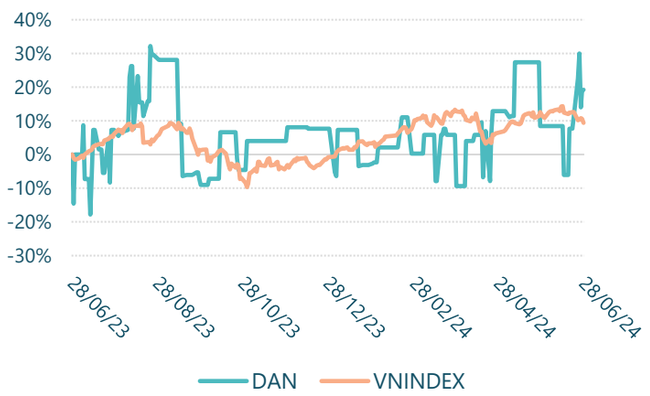

Doanh thu thuần

Q2/24

152

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 14.1%

YoY: ▲ 7.00 | 4.6%

Nợ/VCSH

Q2/24

92.0%

YoY: +/-▲ 1.2%

LN gộp

Q2/24

80.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.2 | 21.5%

YoY: ▲ 8.90 | 12.5%

ROE (TTM)

Q2/24

9.9%

YoY: +/-▼ 1.7%

LN trước thuế

Q2/24

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.70 | -20.3%

YoY: ▼9.60 | -30.0%

ROA (TTM)

Q2/24

5.6%

YoY: +/-▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh Q2/24

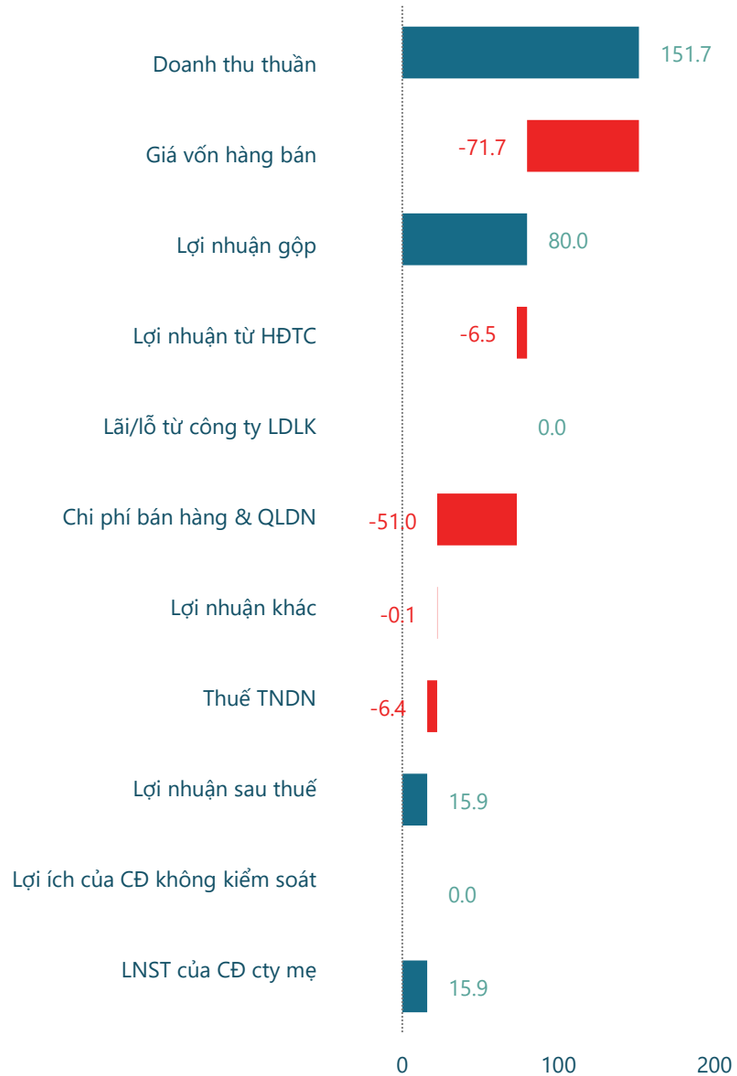

Kết quả kinh doanh

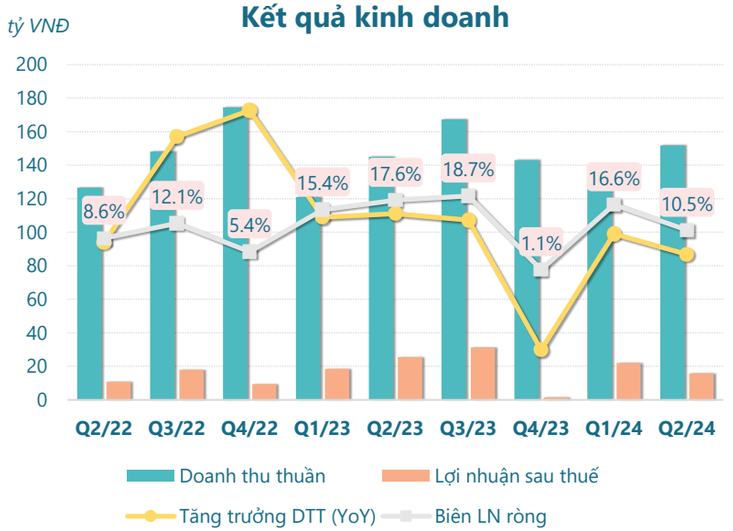

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 22.43 tỷ đồng**, giảm đi 19.9% so với kỳ trước và thấp hơn 30.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 6.51 tỷ đồng** giảm đi 3.50 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 5.75 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.11 tỷ đồng** giảm đi 0.11 tỷ đồng so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

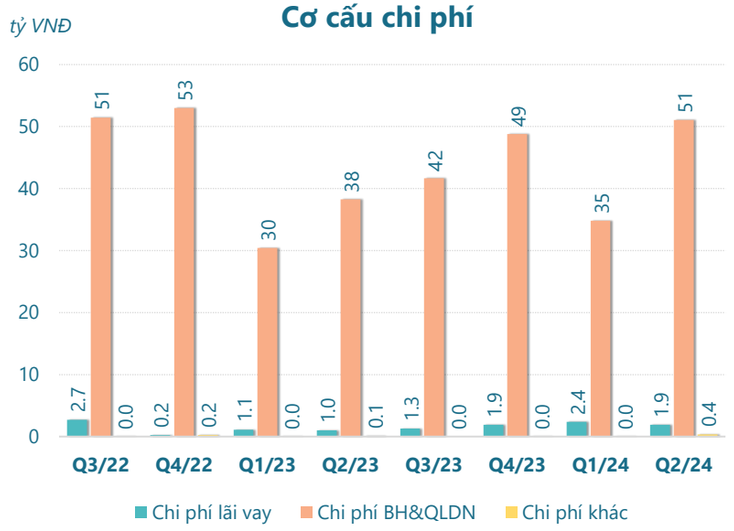

Kết quả kinh doanh của **DAN** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **151.7 tỷ đồng** tăng thêm **4.69%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 15.90 tỷ đồng**, **giảm sút 37.8%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **284.0 tỷ đồng** cao hơn 6.77% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 38.00 tỷ đồng** thấp hơn 13.6% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

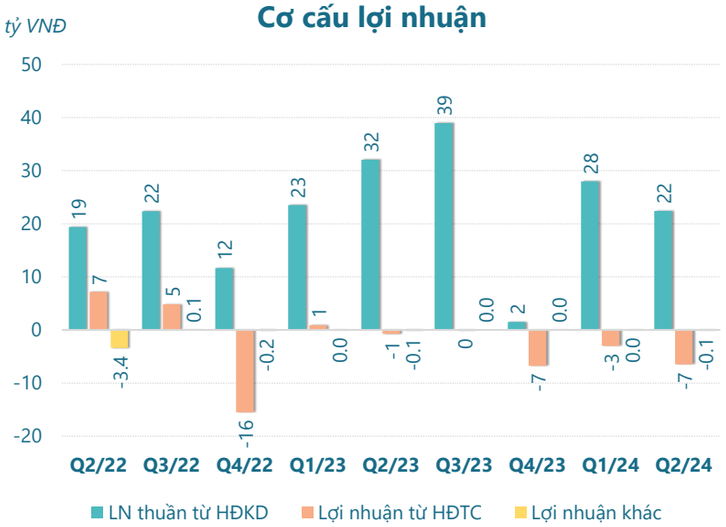

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.91 tỷ đồng** giảm đi 19.1% so với kỳ trước và cao hơn 92.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **51.04 tỷ đồng** tăng thêm 46.7% so với kỳ trước và cao hơn 33.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.35 tỷ đồng** tăng thêm 0.35 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 218% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Dược Danapha (UPCOM: DAN)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**152**	**133**	**14.1%**	**145**	**4.6%**	**284**	**266**	**6.9%**
Giá vốn hàng bán	71.7	66.8	7.4%	73.8	-2.8%	139	142	-2.3%
Lợi nhuận gộp	80.0	65.8	21.5%	71.1	12.5%	146	124	17.5%
Doanh thu HĐTC	1.87	2.17	-13.7%	2.16	-13.3%	4.04	6.44	-37.3%
Chi phí TC	8.38	5.17	62.1%	2.92	187%	13.5	6.27	116%
Chi phí lãi vay	1.91	2.36	-19.3%	0.99	92.4%	4.26	2.10	103%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.3	17.6	43.5%	21.2	19.1%	42.9	37.8	13.4%
Chi phí QLDN	**25.8**	**17.2**	**49.9%**	**17.0**	**51.7%**	**43.0**	**30.9**	**39.2%**
LN thuần từ HĐKD	22.4	28.0	-19.9%	32.1	-30.1%	50.4	55.5	-9.2%
Lợi nhuận khác	**-0.11**	**0.00**		**-0.11**	**1.0%**	**-0.11**	**-0.15**	**25.6%**
LN trước thuế	22.3	28.0	-20.3%	31.9	-30.0%	50.3	55.4	-9.2%
Lợi nhuận sau thuế	**15.9**	**22.0**	**-27.7%**	**25.5**	**-37.7%**	**37.9**	**44.1**	**-14.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.9**	**22.0**	**-27.7%**	**25.5**	**-37.7%**	**37.9**	**44.1**	**-14.1%**

Chỉ số thanh khoản

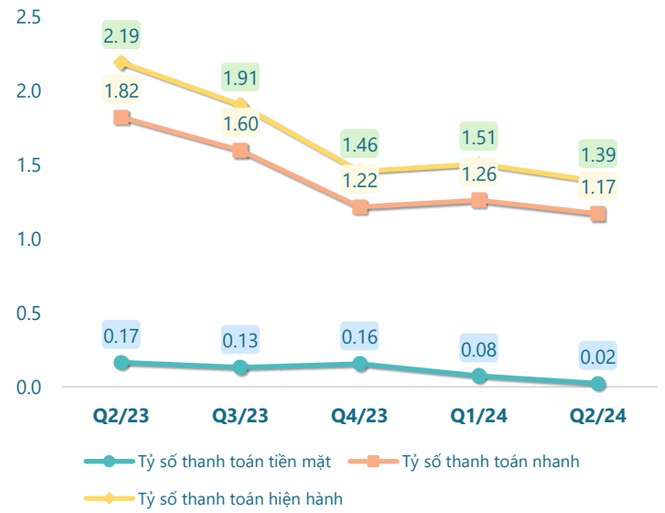

Biên lợi nhuận

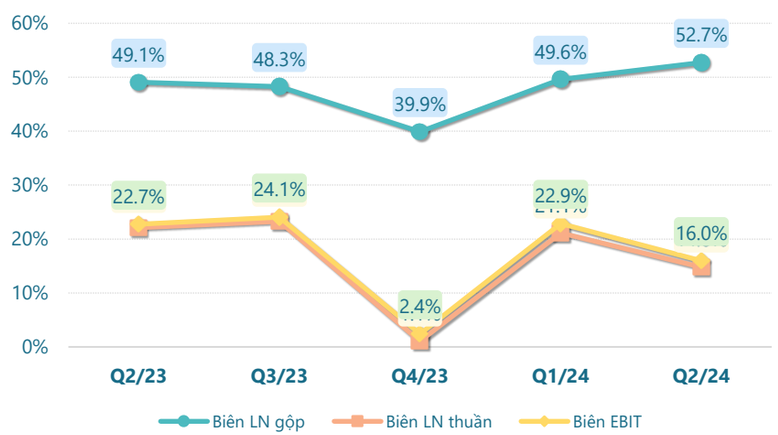

Tỷ suất sinh lợi

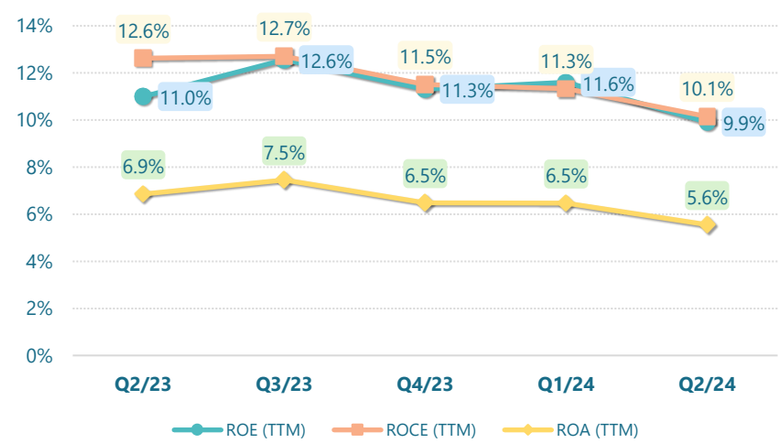

Vòng quay tài sản

